

Bản án số: 42 /2024/DS-ST

Ngày: 14/8/2024

*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hồng Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Lộc;
2. Ông Hồ Bạch Long.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Châu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Mai L**, sinh năm:1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **B ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện ủy quyền: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1994 (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: **Số B khu phố M, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- *Bị đơn:*

1. Bà **Phạm Thúy N**, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

2. Ông **Đoàn Thanh K**, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **B ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Đoàn Thanh H**, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **A ấp B, xã B, huyện C, TP .**

2. Bà **Phan Thị Hồng P**, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

- Địa chỉ: A ấp B, xã B, huyện C, TP ..
3. Cháu Đoàn Nguyễn V, sinh năm: 2007 (Vắng mặt)
- Địa chỉ: A ấp B, xã B, huyện C, TP ..
- Đại diện pháp luật của Đoàn Nguyễn V: ông Đoàn Thanh H, bà Phan Thị Hồng P.
- Địa chỉ: A ấp B, xã B, huyện C, TP .. (Vắng mặt)
4. Cháu Đoàn Thị Quỳnh N1, sinh năm: 2011 (Vắng mặt)
- Địa chỉ: A ấp B, xã B, huyện C, TP ..
- Đại diện pháp luật của Đoàn Thị Quỳnh N1: ông Đoàn Thanh H, bà Phan Thị Hồng P.
- Địa chỉ: A ấp B, xã B, huyện C, TP .. (Vắng mặt)
5. Cháu Đoàn Đăng K1, sinh năm: 2016 (Vắng mặt)
- Địa chỉ: A ấp B, xã B, huyện C, TP ..
- Đại diện pháp luật của Đoàn Đăng K1: ông Đoàn Thanh H, bà Phan Thị Hồng P. Địa chỉ: A ấp B, xã B, huyện C, TP ..
6. Ông Đoàn Văn C, sinh năm: 1953 (Vắng mặt)
7. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1955 (Vắng mặt)
8. Ông Đoàn Thanh G, sinh năm: 1978 (Vắng mặt)
9. Ông Đoàn Thanh K2, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)
10. Bà Ngô Thị Ngọc H1, sinh năm: 1974 (Vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: B ấp B, xã B, huyện C, TP ..
11. Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T1 (Xin vắng mặt)
- Địa chỉ: 4 đường R, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04/01/2019 bà L cho bà Phạm Thúy N vay số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất là 03%/tháng, trả lãi hàng tháng; để đảm bảo cho khoản vay giữa bà N với bà L có đến Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T1 để lập hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm số 000069, ngày 04/01/2019 theo đó bà N thế chấp cho bà L quyền sử dụng đất tại thửa số 71-10, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã B, huyện C, GCNQSDĐ số 4214 QSDĐ/TC do UBND huyện C cấp cho hộ ông Đoàn Thanh H, ngày 09/5/2001, theo Hợp đồng ủy quyền toàn quyền sử dụng đất số công chứng 000049 ngày 03/01/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T1.

Cùng ngày 04/01/2019 ông Đoàn Thanh K là chồng của bà N có vay thêm bà L số tiền là 240.000.000 đồng. Tổng số tiền mà vợ chồng bà N, ông K vay là 2.240.000.000 đồng, lãi suất là 03%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 04/01/2019.

Sau khi vay tiền xong vợ chồng bà N, ông K không thực hiện việc trả lãi hàng tháng cho bà L mà lại trốn tránh, hết thời hạn 03 tháng cũng không trả cả gốc nên bà L làm đơn

khởi kiện yêu cầu bà **N**, ông **K** trả lại cho bà **L** số tiền 2.240.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, xử lý tài sản bảo đảm nếu bà **N**, ông **K** không trả tiền.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về lãi suất là buộc bà **N**, ông **K** chịu mức lãi suất là 20%/năm, thời gian trả lãi tính từ ngày 04/01/2019 đến nay là 05 năm 07 tháng, và rút yêu cầu về xử lý tài sản bảo đảm do bà **L** không giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

Bị đơn bà **Phạm Thúy N** được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan đến việc giải quyết vụ án, nhưng bà **N** vắng mặt tất cả các buổi làm việc, giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, và tại các phiên tòa; đồng thời cũng không có ý kiến gì.

Bị đơn ông **Đoàn Thanh K** được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan đến việc giải quyết vụ án, nhưng vắng mặt giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, và tại các phiên tòa; nhưng ông **H** có bản tự khai ngày 14/4/2021 là thừa nhận gia đình có ủy quyền cho bà **N** để vay tiền của bà **L**, và sẽ trả lãi suất theo ngân hàng tại thời điểm vay đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đoàn Thanh H**, **Đoàn Thanh K2** được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan đến việc giải quyết vụ án, nhưng vắng mặt giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, và tại các phiên tòa; nhưng ông **H**, ông **K2** có bản tự khai là thừa nhận gia đình có ủy quyền cho bà **N** để vay tiền của bà **L**, và sẽ trả lãi suất theo ngân hàng tại thời điểm vay đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phan Thị Hồng P**, ông **Đoàn Nguyễn V**, bà **Đoàn Thị Quỳnh N1**, ông **Đoàn Đăng K1**, ông **Đoàn Văn C**, bà **Lê Thị T**, ông **Đoàn Thanh G**, bà **Ngô Thị Ngọc H1** được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan đến việc giải quyết vụ án, nhưng bà **N** vắng mặt tất cả các buổi làm việc, giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, và tại các phiên tòa; đồng thời cũng không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng **Nguyễn Văn T1** có văn bản trình bày xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; các bị đơn, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, hủy giấy vay tiền ngày 04/01/2019 có chữ ký xác nhận của ông **Đoàn Thanh K**, bà **Phạm Thúy N**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Bà **Lê Thị Mai L**, bị đơn bà **Phạm Thúy N**, ông **Đoàn Thanh K**. Do các bị đơn cư trú tại **xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh** nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại các phiên tòa Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho tất cả bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên tất cả những người này đều vắng mặt tại các phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông **Trần Thế T2** là chồng bà **L** có văn bản từ chối tham gia vụ án, do không liên quan nên Tòa án không đưa ông **T2** vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu bị đơn trả lãi là 20%/năm, thay vì yêu cầu trước đó phải trả lãi theo thỏa thuận là 03%/tháng, việc thay đổi yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Và tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết yêu cầu này và không xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà **Lê Thị Mai L** yêu cầu vợ chồng bà **N**, ông **K** trả lại số tiền 2.240.000.000 đồng, lãi suất là 20%/năm, kể từ ngày 04/01/2019, Hội đồng xét xử thấy:

Giữa bà **L** với vợ chồng bà **N**, ông **K** có ký nhận hợp đồng vay mượn tiền, tại Hợp đồng vay tiền, ngày 04/01/2019 có chữ ký xác nhận của bà **N**, ông **K**, văn bản này có nội dung bà **N**, ông **K** đã mượn số tiền bà **L** qua 02 lần mượn (lần 1 mượn 2.000.000.000 đồng, lần 2 mượn 240.000.000 đồng). Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đồng ý có mượn tiền bà **L**, và không có đưa ra chứng cứ nào khác. Do đó là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn, bị đơn có thỏa thuận về lãi suất là 03%/tháng, do lãi suất thỏa thuận vượt quá quy định của pháp luật, nhưng trong vụ án này nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất là 20%/năm của khoản tiền vay, xét thấy yêu cầu này là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, bà **N**, ông **K** phải trả tiền gốc và lãi suất cho bà **L** cụ thể như sau:

Tiền gốc: 2.240.000.000 đồng; tiền lãi: 2.240.000.000 đồng x lãi suất: 20%/năm x 67 tháng = 2.501.333.332 đồng. Tổng cộng phải trả: 4.741.333.332 đồng.

Đối với Hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm được công chứng tại Văn phòng Công chứng **Nguyễn Văn T1** số 000069, ngày 04/01/2019 là để vay mượn tiền có thể chấp tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, do nguyên đơn không giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử đã giải thích về tính hiệu lực của hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm nhằm để giải quyết vụ án triệt để, tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu giải

quyết về hợp đồng này; trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà L, ông K, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C, bà T, ông G, ông K2, bà H1, ông K, ông H là những người có quyền lợi trong tài sản bảo đảm nhưng lại không có yêu cầu giải quyết hợp đồng này và cũng không yêu cầu về giải quyết liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mặc khác trong hợp đồng bảo đảm tại Điều 7 các bên đương sự có thỏa thuận nếu không thỏa thuận được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Xét thấy Hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm đã nêu trên không có ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án này.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L được chấp nhận nên bị đơn bà N, ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 92, khoản 3 Điều 144; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mai L.

Buộc bà Phạm Thúy N, ông Đoàn Thanh K phải trả cho bà Lê Thị Mai L số tiền gốc và lãi suất là: 4.741.333.332 (Bốn tỷ bảy trăm bốn mươi một triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi hai) đồng, cụ thể là:

Tiền gốc là 2.240.000.000 (Hai tỷ hai trăm bốn mươi triệu) đồng và tiền lãi suất là 2.501.333.332 (Hai tỷ năm trăm lẻ một triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi hai) đồng.

Hủy giấy Hợp đồng vay tiền, ngày 04/01/2019 có chữ ký xác nhận của bà Phạm Thúy N, ông Đoàn Thanh K.

Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là phần đất thửa 71-10, tờ bản đồ 03, tọa lạc tại xã B huyện C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4214 QSDĐ/TC do UBND huyện C cấp ngày 09/5/2001 cho hộ ông Đoàn Thanh H.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong cho người được thi

hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Phạm Thúy N**, ông **Đoàn Thanh K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 82.026.667 (**T3** mươi hai triệu không trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Hoàn trả lại cho bà **Lê Thị Mai L** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 53.840.000 (Năm mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AG/2011/07282 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hồng Khanh

